

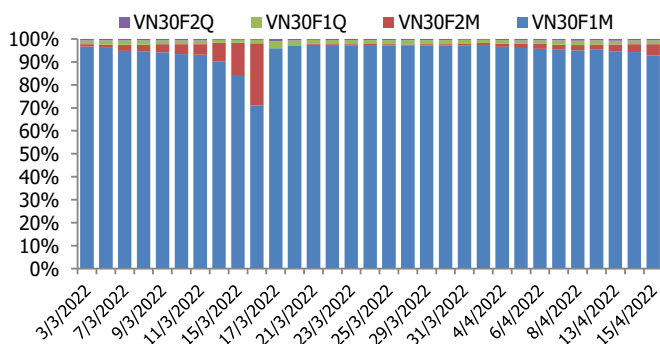
## BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2204	21/4/2022	6	1492.60	39,358
VN30F2205	19/5/2022	34	1493.00	2,048
VN30F2209	15/9/2022	153	1490.20	724
VN30F2212	15/12/2022	244	1480.30	265

## TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường phái sinh tiếp tục điều chỉnh phiên thứ 2 liên tiếp, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 18 đến 29,4 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 24,27 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng không thay đổi nhiều so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 tăng lên -1,14 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng tăng lên -0,74 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên này tăng mạnh so với phiên liền trước, đạt 169.195 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 04 với 969 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 4.312 hợp đồng.
- Thị trường giảm phiên thứ 2 liên tiếp nhưng vẫn nằm trong xu hướng đi ngang kéo dài từ đầu tháng 2 đến nay với dòn dao động từ 1.440 điểm đến 1.500 điểm. Nhà đầu tư vẫn tìm kiếm cơ hội ở những nhóm cổ phiếu riêng lẻ. Các nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ đà tăng của giá hàng hóa và năng lượng như dầu khí, phân bón, cao su, thủy sản, dệt may,... vẫn thu hút được dòng tiền vào. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, việc tham chiếu vào chỉ số lúc này có thể bị nhiễu. Với diễn biến như vậy, dòng tiền nhiều khả năng sẽ tiếp tục dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu nhỏ và các cổ phiếu được hưởng lợi từ thị trường hàng hóa.
- Với xu hướng giảm ngắn hạn đang được duy trì, bên Short nhiều khả năng vẫn có cơ hội sinh lời trong phiên giao dịch sáng (18/04). Tuy nhiên, trong bối cảnh chỉ số VN30F1M đang tiệm cận vùng hỗ trợ mạnh EMA200 ngày (1487 điểm), nếu chỉ số hồi phục trở lại từ nền giá này sẽ tạo cơ hội mở vị thế cho bên Long. Do đó, đối với chiến lược trong phiên, nhà đầu tư nên quan sát mở lệnh mua mới khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1480-1487 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1480 điểm, giá mục tiêu là vùng kháng cự mạnh 1500-1505 điểm. Hoạt động Short được kích hoạt tại các ngưỡng kháng cự tiềm năng 1502;1508 và 1517 điểm.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

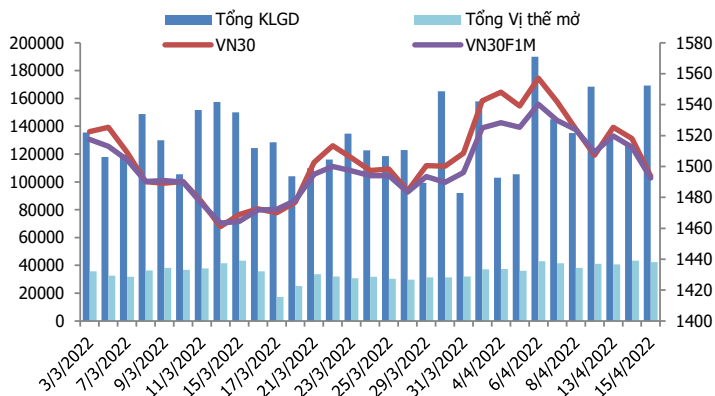
Nhà đầu tư nên quan sát mở lệnh mua khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1480-1487 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1480 điểm, giá mục tiêu là vùng kháng cự mạnh 1500-1505 điểm. Hoạt động Short được kích hoạt tại các ngưỡng kháng cự tiềm năng 1502;1508 và 1517 điểm.

### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

### Chiến lược giao dịch spread

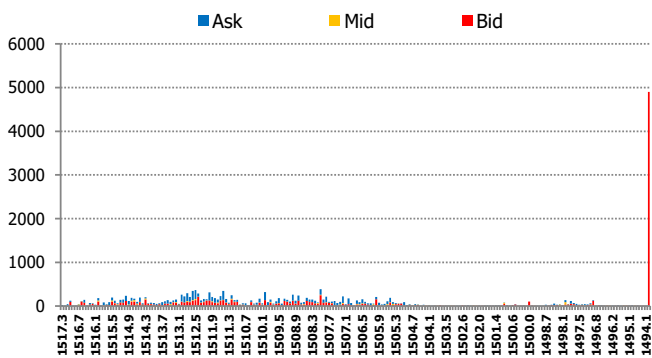
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN**

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2204	1492.6	-1.32	167,556	32.6	39,358	-3.8
VN30F2205	1493.0	-1.19	1,417	121.1	2,048	37.0
VN30F2209	1490.2	-1.37	88	104.7	724	0.3
VN30F2212	1480.3	-1.95	134	538.1	265	-8.0
<b>Tổng</b>			169,195	33.1	42,395	-2.4

**THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M**



**NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL**

- Thị trường phái sinh tiếp tục điều chỉnh phiên thứ 2 liên tiếp, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 18 đến 29,4 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 24,27 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng 33,14% so với phiên liền trước, đạt 169.195 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 04 với 167.556 hợp đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng HĐTL tháng 04 với 969 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 4.312 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2204 là 1.494,06 điểm (cao hơn 1,46 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2205 là 1.495,54 điểm (+2,54 điểm), VN30F2206 là 1.501,85 điểm (+11,65 điểm) và VN30F2209 là 1.506,69 điểm (+26,39 điểm).

**XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M**

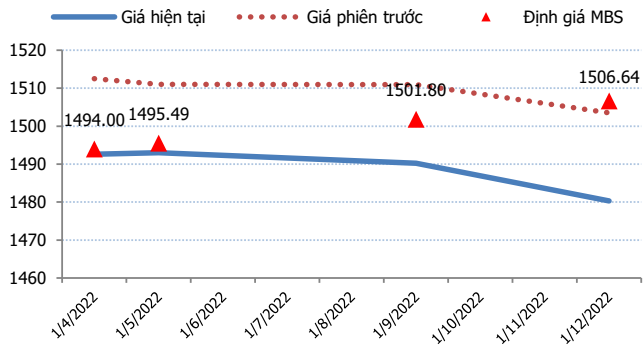
Khung thời gian	15m	1h	Daily
<b>Tổng kết</b>	<b>SELL</b>	<b>SELL</b>	<b>SELL</b>
<b>Hỗ trợ</b>	<b>1485-1488</b>	<b>1475-1478</b>	<b>1456-1460</b>
<b>Kháng cự</b>	<b>1502-1505</b>	<b>1516-1520</b>	<b>1540-1550</b>

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M**

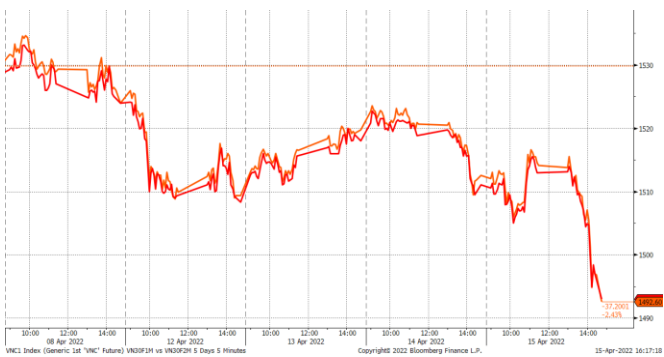


Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
<b>VN30F2M - VN30F1M</b>	0.4	-1.50	1.9	-0.78
<b>VN30F1Q - VN30F1M</b>	-2.4	-1.60	-0.8	-3.16
<b>VN30F1Q - VN30F2M</b>	-2.8	-0.10	-2.7	-2.38
<b>VN30F2Q - VN30F1M</b>	-12.3	-9.00	-3.3	-8.34
<b>VN30F2Q - VN30F2M</b>	-12.7	-7.50	-5.2	-7.56
<b>VN30F2Q - VN30F1Q</b>	-9.9	-7.40	-2.5	-5.18

**ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN**



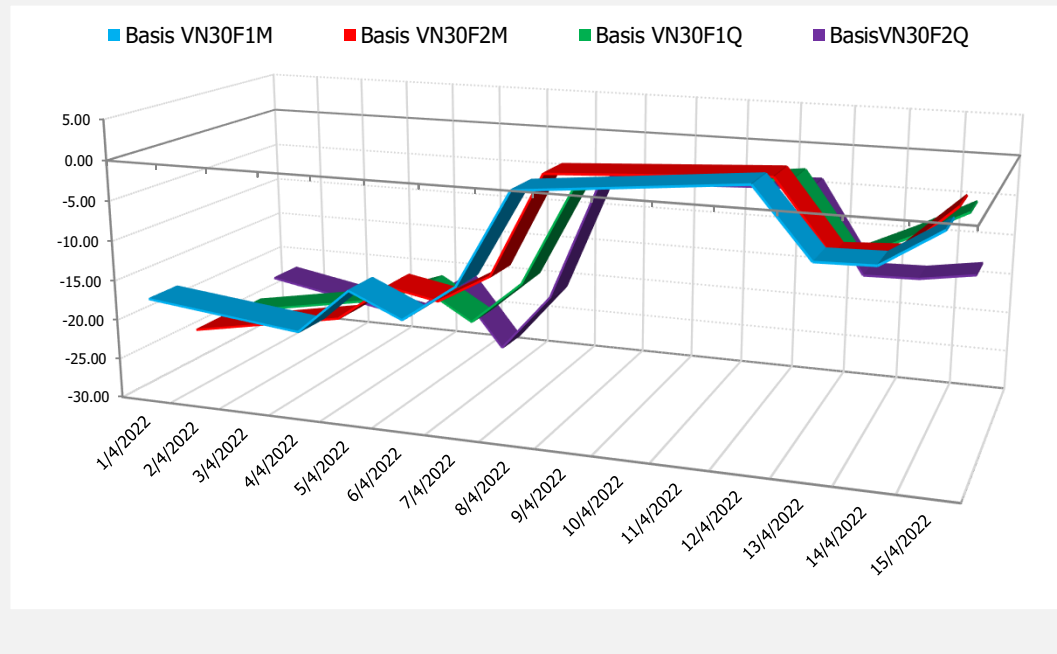
**DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M**



**NHẬN ĐỊNH CHÈNH LỆCH GIÁ HĐTL**

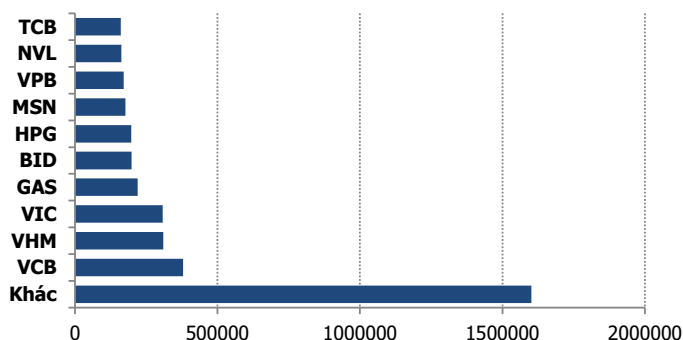
- Thị trường phái sinh tiếp tục điều chỉnh phiên thứ 2 liên tiếp, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 18 đến 29,4 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 24,27 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng không thay đổi nhiều so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 tăng lên -1,14 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng tăng lên -0,74 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -12,7 điểm đến +0,4 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2204-VN30F2203) tăng thêm 1,9 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

**DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL**

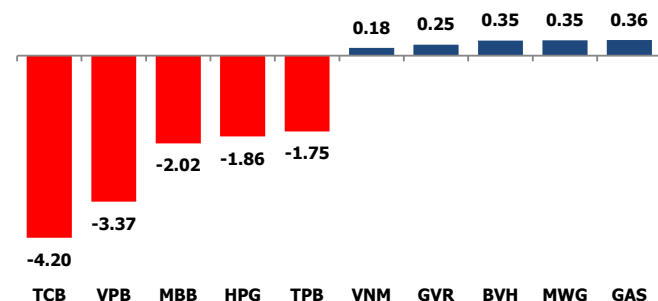


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1458.56	1493.74
Thay đổi	-13.56	-24.27
%Chg	-0.92	-1.60
YTD	-2.65	-2.73
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,781.35	3,886.35
P/E	16.91	13.95
P/B	2.56	2.66

**TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30**



**CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX**



**NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30**

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính tiếp tục chìm trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (22) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (7) và 1 mã đứng tham chiếu. TCB và VPB trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -4,2 điểm và -3,37 điểm; ngoài ra MBB, HPG hay TPB cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 24,27 điểm (-1,6%) xuống 1.493,74 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 189,48 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 8.573 tỷ đồng.

Khối ngoại quay trở lại mua ròng với 110,82 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như VPB (+76 tỷ đồng), CTG (+64 tỷ đồng), DPM (+55 tỷ đồng), CII (+53 tỷ đồng), GEX (+46 tỷ đồng).

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30**



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
<b>VNIndex</b>	1,458.56	(0.92)	16.91	(2.65)
<b>Dow Jones</b>	34,451.23	(0.33)	18.78	(5.19)
<b>S&amp;P500</b>	4,392.59	(1.21)	22.62	(7.84)
<b>Nikkei 225</b>	27,093.19	(0.29)	15.28	(5.90)
<b>Shanghai</b>	3,211.25	(0.45)	13.58	(11.77)
<b>DAX</b>	14,163.85	0.62	14.49	(10.83)
<b>Vàng</b>	1,978.24	0.23		8.15
<b>Dầu WTI</b>	106.95	2.59		42.20

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
<b>Thứ Hai - 11/04/2022</b>			
Anh - Tổng GDP (năm/năm)	10.5%	9.5%	9.5%
Anh - Tổng GDP (tháng/tháng)	0.8%	0.3%	0.1%
Anh - Sản lượng sản xuất (tháng/tháng) (Tháng 2)	0.9%	0.3%	-0.4%
Anh - Thay đổi GDP hàng tháng (3 tháng/3 tháng)	1.3%		1.0%
<b>Thứ Ba - 12/04/2022</b>			
Anh - Chỉ số thu nhập trung bình + tiền thưởng (Tháng 2)	4.8%	5.4%	5.4%
Anh - Thay đổi trợ cấp thất nghiệp (Tháng 3)	-58.0K	-41.1K	-46.9K
Đức - Chỉ số cảm tính kinh tế của ZEW (Tháng 4)	-39.3	-48.0	-41.0
Mỹ - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.5%	0.5%	0.3%
<b>Thứ Tư - 13/04/2022</b>			
New Zealand - Quyết định lãi suất	1.00%	1.25%	1.50%
Anh - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 3)	6.2%	6.7%	7.0%
Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.9%	1.1%	1.4%
Canada - Quyết định lãi suất	0.50%	1.00%	1.00%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	2.421M	0.863M	9.382M
<b>Thứ Năm - 14/04/2022</b>			
Úc - Thay đổi việc làm (Tháng 3)	77.4K	40.0K	17.9K
Châu Âu - Tỷ lệ phương tiện tiền gửi (Tháng 4)	-0.50%	-0.50%	-0.50%
Châu Âu - Công cụ cho vay thanh khoản của NHTW	0.25%	0.25%	0.25%
Châu Âu - Quyết định lãi suất (Tháng 4)	0.00%	0.00%	0.00%
Mỹ - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.6%	1.0%	1.1%
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	167K	171K	185K
Mỹ - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.8%	0.6%	0.5%
<b>Thứ Sáu - 15/04/2022</b>			

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Hiện tại, những đợt phong tỏa phòng dịch Covid-19 ở Trung Quốc đang là rủi ro lớn hơn đối với lạm phát toàn cầu nếu đem so sánh với thời điểm hai năm về trước, các chuyên gia phân tích cho biết. Lý do là thế giới đang ngày một phụ thuộc nhiều hơn vào hàng hóa sản xuất tại Trung Quốc, kể từ khi đại dịch bùng phát, các chuyên gia phân tích giải thích trong báo cáo công bố ngày 8/4. Thị phần hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc trên thị trường quốc tế đã tăng lên ngưỡng 15,4% trong năm 2021, cao nhất kể từ năm 2012.
- Theo dữ liệu của Trading Economics, giá dầu điều chỉnh giảm nhẹ sau khi tăng mạnh. Cụ thể, giá dầu thô WTI giảm 0,38% so với 24 giờ trước đó xuống còn 106 USD/thùng, còn dầu thô Brent được giao dịch ở mức 111 USD/thùng. Giá dầu điều chỉnh giảm nhẹ sau những ngày tăng mạnh, khi Trung Quốc vẫn chật vật với làn sóng Covid mới. Cùng với đó là việc đồng USD phục hồi mạnh mẽ nhờ thái độ kiên quyết của các quan chức FED.
- Giá thép thanh vẫn giao ngay tại Trung Quốc ngày 15/4 ở mức 5.048 nhân dân tệ/tấn (792 USD/tấn), tăng 0,7% so với ngày trước đó. Giá quặng 63,5% Fe giao tại cảng Thiên Tân, Trung Quốc là 150 USD/tấn, tăng 2,4% so với ngày trước đó. Theo Trading Economics, dữ liệu mới nhất cho thấy tỷ lệ hoạt động của các lò cao tại 247 nhà máy thép trên khắp Trung Quốc đã tăng trở lại.

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30**

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 TCB, VPB và MBB là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 tiếp tục giảm điểm. Trong đó, TCB gây ảnh hưởng -4,2 điểm tới chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VPB	Banks	8.68	38,500	-2.53	5.31%	1154.666	-3.37	14.54	2.18
HPG	Metals & Mining	7.88	44,200	-1.56	1.93%	819.173	-1.86	6.17	2.18
TCB	Banks	7.54	45,600	-3.59	3.73%	861.283	-4.20	8.86	1.74
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	6.43	115,000	-1.37	3.42%	360.884	-1.34	24.00	5.82
VIC	Real Estate Management & Development	6.09	80,700	-1.22	1.49%	136.057	-1.13	#N/A N/A	2.99
ACB	Banks	5.58	33,550	-0.74	1.64%	181.742	-0.62	9.44	2.02
MWG	Specialty Retail	5.38	160,200	0.44	2.99%	374.329	0.35	23.10	5.61
VHM	Real Estate Management & Development	5.25	71,100	-1.66	2.40%	288.508	-1.32	7.90	2.48
MSN	Food Products	5.13	125,000	-0.56	2.01%	127.432	-0.43	20.67	5.40
MBB	Banks	4.73	31,400	-2.79	3.35%	481.746	-2.02	9.34	1.99
VNM	Food Products	4.63	76,500	0.26	2.11%	104.661	0.18	16.93	4.83
NVL	Real Estate Management & Development	4.12	84,100	-1.06	1.19%	231.728	-0.66	44.02	4.63
STB	Banks	3.90	30,100	-2.27	2.99%	320.148	-1.36	16.17	1.66
VCB	Banks	3.02	80,200	-0.99	1.62%	72.268	-0.45	17.32	3.48
VJC	Airlines	2.67	135,900	-0.73	1.33%	81.979	-0.29	59.85	4.35
HDB	Banks	2.66	26,300	-3.66	4.76%	158.004	-1.51	8.66	1.80
TPB	Banks	2.57	37,350	-4.35	5.22%	195.805	-1.75	11.31	2.27
SSI	Capital Markets	2.01	40,000	-4.76	5.65%	396.986	-1.50	18.42	2.91
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.64	117,100	0.09	4.51%	97.327	0.02	25.87	4.43
VRE	Real Estate Management & Development	1.62	31,500	-1.10	2.86%	100.939	-0.27	54.45	2.34
CTG	Banks	1.62	31,000	-0.64	1.78%	158.378	-0.16	10.57	1.60
KDH	Real Estate Management & Development	1.50	49,500	-1.20	1.82%	51.261	-0.27	27.79	3.12
PDR	Capital Markets	1.24	86,600	-3.24	3.46%	226.295	-0.62	23.22	6.05
SAB	Food Products	0.86	168,600	1.02	2.89%	37.223	0.13	29.49	5.09
GAS	Gas Utilities	0.80	115,100	3.14	5.36%	206.69	0.36	26.28	4.31
POW	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.62	14,700	-5.47	6.90%	292.87	-0.54	19.15	1.20
BID	Banks	0.58	39,300	-2.96	5.64%	100.506	-0.26	18.86	2.39
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.50	54,700	0.00	2.20%	64.855	0.00	23.33	2.77
GVR	Real Estate Management & Development	0.42	36,000	4.20	5.80%	153.06	0.25	34.63	3.01
BVH	Beverages	0.36	66,800	6.88	7.22%	221.372	0.35	26.16	2.34

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	<b>Mã hợp đồng</b>	VN30F-yy-mm
2	<b>Tài sản cơ sở</b>	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	<b>Hệ số nhân hợp đồng</b>	100.000 đồng
4	<b>Quy mô 01 hợp đồng</b>	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	<b>Tháng đáo hạn</b>	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	<b>Phương thức giao dịch</b>	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	<b>Thời gian giao dịch</b>	<b>GD Khớp lệnh định kỳ</b> - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
		<b>GD khớp lệnh liên tục</b> - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
		<b>GD Thỏa thuận</b> - 08h45 - 14h45
8	<b>Các loại lệnh giao dịch</b>	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	<b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>	Ưu tiên giá và thời gian.
10	<b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>	01 hợp đồng
11	<b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>	500 hợp đồng
12	<b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	<b>Biên độ dao động</b>	+/- 7%
14	<b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	<b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	<b>Phương thức thanh toán</b>	Thanh toán bằng tiền
17	<b>Giá thanh toán hàng ngày</b>	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	<b>Giá thanh toán cuối cùng</b>	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	<b>Giá tham chiếu</b>	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	<b>Mở tài khoản</b>	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	<b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b>	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	<b>Mức ký quỹ ban đầu</b>	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	<b>Mức ký quỹ duy trì</b>	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	<b>Ký quỹ bổ sung</b>	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	<b>Thoát khỏi hợp đồng tham gia</b>	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

## **TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM**

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## **MBS HỘI SỞ**

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## **KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	<a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a>
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	<a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a>
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	<a href="mailto:long.dinhviet@mbs.com.vn">long.dinhviet@mbs.com.vn</a>